

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ô3, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Văn T1 cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 24/3/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T1 đã ly thân nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T1 không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có bốn con chung tên Hoàng Nguyễn Gia Đạt, sinh ngày 15/01/2011, Hoàng Nguyễn Gia Phát, sinh ngày 01/12/2013, Hoàng Ngọc Tường Vi, sinh ngày 10/9/2015, Hoàng Nguyễn Phú Quý, sinh ngày 25/6/2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi bốn con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông T1 không có nợ chung.

Tại Bàn tự khai ngày 08/6/2020, bị đơn ông Hoàng Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có bốn con chung như lời bà T trình bày. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, ông đồng ý để bà T được nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Cháu Hoàng Nguyễn Gia Đạt có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn T1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Văn T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T1 đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] *Về con chung:* Bà T và ông T1 thống nhất có bốn con chung tên Hoàng Nguyễn Gia Đạt, sinh ngày 15/01/2011, Hoàng Nguyễn Gia Phát, sinh

ngày 01/12/2013, Hoàng Ngọc Tường Vi, sinh ngày 10/9/2015, Hoàng Nguyễn Phú Quý, sinh ngày 25/6/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi bốn con chung và ông T1 đồng ý. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu Đạt là muốn sống với mẹ nên căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao bốn con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phân cấp dưỡng nuôi con:* Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T và ông T1 thống nhất xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức T, miễn, giảm, T, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc "Ly hôn" với ông Hoàng Văn T1.

1. *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Hoàng Văn T1.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Hoàng Văn T1 có bốn con chung tên Hoàng Nguyễn Gia Đạt, sinh ngày 15/01/2011, Hoàng Nguyễn Gia Phát, sinh ngày 01/12/2013, Hoàng Ngọc Tường Vi, sinh ngày 10/9/2015, Hoàng Nguyễn Phú Quý, sinh ngày 25/6/2018. Khi ly hôn, bà T được nuôi bốn con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai T số 0004776 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang